

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 916/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ, về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tại Tờ trình số 2497/TTr-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc trình phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm định số 2250/BC-HĐTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung sau:

I. TÊN QUY HOẠCH

Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. PHẠM VI, THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Phạm vi quy hoạch:

Phần lãnh thổ tỉnh Bến Tre với tổng diện tích tự nhiên là 2.394,75 km².

- Phía Bắc giáp tỉnh Tiền Giang.
- Phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh.
- Phía Đông giáp biển Đông.

Tọa độ địa lý tỉnh Bến Tre: 10°14'54" vĩ độ Bắc; 106°22'34" kinh độ Đông.

Phần không gian biển được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam.

2. Thời kỳ quy hoạch:

- Thời kỳ quy hoạch: 2021-2030.
- Tầm nhìn dài hạn: Đến năm 2050.

III. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm, nguyên tắc:

a) Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế, xã hội 10 năm (2021 - 2030), Kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm (2021 - 2025) của cả nước; quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng đồng bằng sông Cửu Long; các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của quốc gia; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

b) Lập quy hoạch tỉnh phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, thực hiện, phù hợp với khả năng huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của Tỉnh.

c) Xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với bối cảnh, tình hình trong nước và quốc tế; thể hiện tư duy đổi mới, sáng tạo; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; phải kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; đảm bảo nguyên tắc thị

trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực và nguyên tắc hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương, lợi ích của người dân theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới trên biển, đảo; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của Tỉnh.

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

a) Cung cấp căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội; làm cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công của Tỉnh; sớm đưa vị thế phát triển của Bến Tre thành một trong những tỉnh dẫn đầu của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

b) Nhằm đánh giá lại các điểm nghẽn trong phát triển để tìm ra các giải pháp trọng tâm, tiếp tục đưa Bến Tre phát triển nhanh, bền vững; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, không phù hợp cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận, sử dụng mọi nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

c) Cụ thể hóa phương án quy hoạch, lập được phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, hệ thống đô thị và nông thôn và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành; xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Bến Tre.

IV. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch:

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế, xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế.

b) Bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn Tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, an sinh xã hội, chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn và bảo đảm sinh kế bền vững,

nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu, xây dựng hệ thống bản đồ trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

2. Xác định nội dung lập quy hoạch:

Nội dung chính của Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo yêu cầu theo quy định Luật Quy hoạch và Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm:

a) Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Bến Tre.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn tỉnh Bến Tre.

c) Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và lựa chọn các phương án:

- + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội.

- + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).

- + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).

- + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

+ Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.

+ Các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Một số nội dung đề xuất nghiên cứu:

Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn; xuất phát từ nhu cầu phát triển và yêu cầu quản lý nhà nước của Tỉnh. Tập trung nghiên cứu các phương hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, các vùng đặc trưng, các ngành, lĩnh vực có thế mạnh và đặc thù của Bến Tre.

V. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch:

Các phương pháp sử dụng lập quy hoạch phải bảo đảm tiếp cận khoa học, phù hợp với thực tiễn; tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực; tiếp cận tổng thể, liên ngành, liên vùng; tiếp cận tích hợp, lồng ghép; tiếp cận dựa trên nguyên tắc thị trường và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập quy hoạch:

Sử dụng các phương pháp lập quy hoạch đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và có độ tin cậy cao, cụ thể:

- Phương pháp tích hợp quy hoạch.
- Phương pháp tiếp cận từ thực địa.
- Phương pháp so sánh đối chiếu với bài học thực tiễn quốc tế liên quan.
- Phương pháp có sự tham gia của các bên liên quan và thực thể bị ảnh hưởng.
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo, tọa đàm.
- Phương pháp dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.
- Phương pháp phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu, phân tích ma trận SWOT.
- Phương pháp lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).
- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

VI. THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Văn bản:

- Văn bản trình thẩm định và văn bản trình phê duyệt quy hoạch tỉnh.
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh gồm: Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt; các phụ lục, văn bản pháp lý liên quan và các sơ đồ của quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

Số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch theo quy định.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Bến Tre.
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.
 - + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
 - + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
 - + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
 - + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
 - + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
 - + Bản đồ chuyên đề (nếu có).
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1:25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh Bến Tre.

c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch.

2. Chi phí lập quy hoạch:

Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thời hạn lập quy hoạch:

Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre tổ chức lập và hoàn thành lập quy hoạch tỉnh không quá 24 tháng kể từ ngày nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Bến Tre thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch được quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bến Tre;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTgCP và các PTTgCP; các Vụ, Cục, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHĐP (3) Th.Tùng.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng